TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2021/HSST
Ngày 22.11.2021
V/v "*Tranh chấp đòi tiền*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Đích**
- *Thư ký phiên toà*: **Ông Võ Ngọc Tín** - Thư ký Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia phiên toà:* **Bà Trần Thị Hương Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc "*Tranh chấp đòi tiền*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1980; Địa chỉ: số 03, HSP, phường M, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Bà Đặng Thị N ủy quyền cho ông Lê Ngọc Đ, sinh năm 1990, trú tại: tổ 2, phường Thùy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Đoàn có mặt

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Thanh N, sinh năm 1981; Địa chỉ: số 03, N Ng 1, phường NHĐ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Bà Hoàng Thị Thanh N ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1996 và ông Nguyễn Doãn H. Cùng trú tại: số 05 NK, phường HC, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng tham gia tố tụng. Bà Dung và ông Hồng vắng mặt

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:** ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; Địa chỉ: số 03, N Ng 1, phường NHĐ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ông Chung vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21.6.2021 nộp đến Tòa án ngày 01.7.2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Lê Ngọc Đ trình bày:***

Bà Đặng Thị N và bà Hoàng Thị Thanh N là bạn bè quen biết, trước đó bà Nh và bà N đã nhiều lần góp chung vốn làm ăn, nhưng lần trước đây bà Nh cho bà N mượn tiền trong thời gian ngắn bà N đều thanh toán đầy đủ số tiền đã mượn, vào ngày 09.11.2019 bà Nh có cho bà N mượn số tiền 600.000.000 đồng, và hai bên thỏa thuận miệng với nhau là hẹn trong thời gian 1 tuần sẽ trả lại số tiền trên. Để làm căn cứ, bà N đã viết giấy nhận tiền thể hiện ngày 09.11.2019 bà Hoàng Thị Thanh N có mượn của bà Đặng Thị N số tiền 600.000.000 đồng, bà N có trách nhiệm trả lại số tiền nêu trên khi bà Nh có yêu cầu. Sau hơn một tháng mượn tiền bà Nh đã có thông báo yêu cầu bà N phải trả số tiền đã mượn nhưng bà N vẫn không chịu thanh toán số tiền trên. Nay bà Nh yêu cầu bà N phải trả lại số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng (*sáu trăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

Vì trước đây bà Nh và bà N đã thống nhất phương án trả nợ 5.000.000 đồng/1 tháng, nhưng bà N không thực hiện đúng cam kết. Nên bà Nh không đồng ý với phương án trả nợ như đã thỏa thuận trước đây.

***** Tại bản tự khai ngày 28.9.2021 và biên bản hòa giải ngày 28.9.2021 bị đơn bà Hoàng Thị Thanh N trình bày: Tôi và bà Nh có quan hệ làm ăn từ năm 2017, nên bà Nh đã nhiều lần cho tôi mượn tiền những lần mượn tiền trước tôi đã thanh toán đúng hạn cho bà Nh. Vào tháng 11.2019 tôi có điện thoại cho bà Nh hỏi mượn 600.000.000 đồng, bà Nh đồng ý và trực tiếp bà Nh giao cho tôi số tiền 600.000.000 đồng, tôi có viết một giấy biên nhận thể hiện có mượn bà Nh số tiền 600.000.000 đồng, số tiền này chỉ một mình tôi mượn để sử dụng vào việc cá nhân, chồng tôi cũng như chồng bà Nh đều không biết. Sau này việc làm ăn gặp khó khăn nên tôi xin thỏa thuận với bà Nh trả 1 tháng 5.000.000 đồng nhưng do quá khó khăn nên tôi chưa thực hiện được cam kết với bà Nh. Nay bà Nh khởi kiện, tôi xác nhận cá nhân tôi có nợ bà Đặng Thị N số tiền 600.000.000 đồng, chồng tôi ông Nguyễn Văn C không hề biết và không ký xác nhận. Nay do hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi nào hết nợ thì thôi.

*Tại biên bản hòa giải ngày 05.10.2021, Đại diện ủy quyền có bà Nguyễn Thị Kim D trình bày *:* Bà Hoàng Thị Thanh N xác nhận có mượn của chị Đặng Thị N số tiền 600.000.000 đồng, việc mượn tiền làm ăn này, khi mượn tiền bà N có viết giấy xác nhận số tiền nợ là 600.000.000 đồng, Giấy xác nhận nợ này chỉ một mình bà N viết và ký xác nhận chứ chồng bà là Nguyễn Văn C không biết.

Nợ cá nhân bà N thì cá nhân bà N chịu trách nhiệm trả. Trong thời gian nợ bà N đã trả được cho bà Nh số tiền 5.000.000 đồng, đối với chứng cứ liên quan đến việc trả nợ bà N sẽ cung cấp sau. Nay hoàn cảnh bà N gặp khó khăn nên xin trả dần số tiền gốc còn lại là 595.000.000 đồng mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ thì thôi.

Việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm cùng trả nợ là không đúng vì đây là khoản nợ của riêng cá nhân bà N.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C vắng mặt* không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng

như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện và thực hiện không đầy đủ cac quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung : Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị N về việc buộc bà Hoàng Thị Thanh N phải có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị N số tiền 600.000.000 đồng và ông Nguyễn Văn C là người cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ. Theo giấy nhận nợ ngày 09.11.2019 chỉ có bà Đặng Thị N cho bà Hoàng Thị Thanh N mượn số tiền 600.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn C không hề ký xác nhận nên việc buộc ông Nguyễn Văn C liên đới chịu trách nhiệm thanh toán nợ là không có cơ sở. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự buộc bà Hoàng Thị Thanh N phải có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị N số tiền 600.000.000 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Đặng Thị N không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp đòi tiền giữa bà Đặng Thị N và bà Hoàng Thị Thanh N thuộc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 26.10.2021, ngày 11.11.2021 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử,

quyết định hoãn phiên toà đối với đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N và bà Hoàng Thị Thanh N, Hội đồng xét xử thấy:

Xét thấy trên cơ sở quen biết và tin tưởng lẫn nhau, nên vào ngày 09.11.2019 bà Đặng Thị N có cho bà Hoàng Thị Thanh N mượn số tiền 600.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả nợ là 01 tháng. Nay đã quá thời hạn mà bà N vẫn không thanh toán số tiền đã mượn nên bà Nh khởi kiện yêu cầu trả lại số nợ gốc và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải hai bên đều xác nhận bà Hoàng Thị Thanh N có nợ bà Đặng Thị N số tiền là 600.000.000 đồng nhưng thời gian thanh toán các bên đương sự đã không thống nhất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS năm 2015, HĐXX công nhận việc bà Hoàng Thị Thanh N có nợ của bà Đặng Thị N số tiền 600.000.000 đồng là có thật.

Bà Đặng Thị N và bà Hoàng Thị Thanh N đều đã trưởng thành và đủ năng lực hành vi dân sự, xuất phát từ sự thoả thuận của hai bên nên giao dịch dân sự giữa bà Nh và bà N là hợp pháp. Bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó bà Nh khởi kiện để đòi lại số tiền nợ là chính đáng, hợp lý. Tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. HĐXX xét thấy bà Nh không trả nợ như đã thoả thuận nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày trong quá trình mượn tiền bà N đã trả cho bà Nh được 5.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán này nên không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng cần buộc ông Nguyễn Văn C là chồng bà Nh phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền trên. HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ cung cấp một giấy xác nhận nợ ghi ngày 09.11.2021. Tại giấy nhận nợ ngày 09.11.2019 chỉ có bà Đặng Thị N và bà Hoàng Thị Thanh N ký xác nhận nên việc nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải liên đới chịu trách nhiệm là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Về tiền lãi: Bà Đặng Thị N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000 đồng (*hai mươi tám triệu đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: -các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

-Điều 92, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật TTDS.

-khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N đối với bà Hoàng Thị Thanh N về việc "*Tranh chấp đòi tiền*".

Xử: Buộc bà Hoàng Thị Thanh N phải thanh toán cho bà Đặng Thị N số tiền là **600.000.000 đồng** *(sáu trăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000 đồng (*hai mươi tám triệu đồng*) bà Hoàng Thị Thanh N phải chịu.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị N số tiền tạm ứng án phí 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0006865 ngày 22.7.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng những người vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TPĐN
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THA quận Sơn Trà;
- Hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy